

Bản án số: 02/2018/HSST

Ngày: 26/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA PA - TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông: Trương Quyết Thắng.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đỗ Trọng Bằng, Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Ông: Nguyễn Văn T, Nghề nghiệp: Giáo viên đã nghỉ hưu.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Lương Thế Trung - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Sa Pa.

- Đại diện VKSND huyện Sa Pa tham gia phiên toà: Ông Lã Chúc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sa Pa. Tòa án nhân dân huyện Sa Pa mở phiên toà công khai, xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 22/2017/HSST ngày 30/11/2017 đối với bị cáo:.

- Họ và tên: Giàng A M (Tên gọi khác: Không).

- Sinh ngày: 31/3/2000 tại huyện SP, tỉnh L.

- Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Đội 8, xã T, huyện SP, tỉnh L.

- Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Mông. Tôn giáo: Không.

- Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bố đẻ: Chưa xác định được; Mẹ đẻ: Giàng Thị L (tên gọi khác: Giàng Thị L1), sinh năm 1980 trú tại thôn V, xã S, huyện SP, tỉnh L.

- Bị cáo chưa có vợ, chưa có con.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/11/2017 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thị Thương – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo: Bà Giàng Thị L (Tên gọi khác Giàng Thị L1) – sinh năm 1980. Địa chỉ: thôn V, xã S, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai. (có mặt)

* Người bị hại: Anh Sùng A T. Địa chỉ: thôn ST, xã T, huyện SP, tỉnh L. (vắng mặt)

*Người làm chứng: Anh Mã Anh T. Địa chỉ: tổ 5B, thị trấn S, huyện SP, tỉnh L. (vắng mặt)

*Người phiên dịch tiếng Mông: Anh Thào Láo Lù. Địa chỉ: tổ 3B, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai. (có mặt)

NỘI D VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h30 ngày 20/8/2017, Giàng A M đi bộ từ trung tâm thị trấn Sa Pa xuống khu vực khách sạn Biển Mây thuộc tổ 10, thị trấn Sa Pa, với mục đích tìm xe máy của anh Sùng A T để trộm cắp. Khi đi đến khu vực sân trước khách sạn Biển Mây, M quan sát và nhìn thấy chiếc xe máy BKS 24B2 -03952 của anh Sùng A T đang dựng gần khu vực bậc lên xuống của nhà số 1 khách sạn Biển Mây. Giàng A M đã tiến lại gần và dắt xe đến cửa hàng sửa xe máy của anh Mã Anh T để thay ổ khóa xe nhưng vì thời gian đã muộn nên anh T không thay khóa và M đã gửi lại chiếc xe ở đó. Sau đó M đi bộ ra sân vận động thị trấn Sa Pa thì gặp Chang A D, rồi đi nhờ xe máy của D về nhà ở đội 8, thôn ST, xã T. Đến khoảng 19h35 ngày 21/8/2017, Giàng A M nhờ Chang A P đưa đến quán sửa xe của anh T để lấy xe. Sau khi trả tiền thay ổ khóa điện và ổ khóa cốp xe hết 380.000đ, Giàng A M đã tháo 02 gương của xe để lại cửa hàng cùng với 02 ổ khóa cũ, rồi M tiếp tục bảo anh T dùng chiếc chìa sắt để tháo biển số xe ra để ép lại nhưng khi tháo được biển số ra thì M không ép biển nữa mà cắt biển số vào trong cốp xe, rồi sử dụng chiếc xe đó làm phương tiện đi lại. Đến khoảng 13h ngày 23/8/2017 thì bị cơ quan công an kiểm tra hành chính và thu giữ vật chứng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09 ngày 04/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Sa Pa kết luận: giá trị còn lại của chiếc xe máy Honda Waversx màu đỏ- đen BKS 24B2-03952 là 24.026.500đ.

Tại Bản cáo trạng số: 22/KSĐT ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Pa tỉnh Lào Cai đã truy tố bị cáo Giàng A M về tội : “Trộm cắp tài

sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 138 BLHS và tại phiên tòa ngày hôm nay Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g,h, p Khoản 1 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60; Điều 69; Điều 74 BLHS và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành BLHS năm 2015, phạt bị cáo M từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015, tịch thu tiêu hủy 01(một) ổ khóa khởi động, 01(một) ổ khóa cốp xe; 01 (một) lưới cửa sắt có chiều dài 31 cm, chiều rộng 1,5cm. Tạm giữ 01 (một) điện thoại di động Zip mobile số loại Zip 18 màu đen trắng có số imel: 840170190196753, bên trong có lắp hai sim Vinaphone, để đảm bảo việc thi hành án.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo nêu quan điểm: Nhất trí với Cáo trạng truy tố bị cáo M về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên hành vi của bị cáo phạm tội khi chưa thành niên, quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thiệt hại xảy ra không lớn. Vì vậy xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để bị cáo có cơ hội học tập, lao động, rèn luyện bản thân. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 60, Điều 69; khoản 1,2 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo M 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi xem xét, kiểm tra các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa, qua xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, thấy rằng:

Ngày 28/ 12/ 2017 Tòa án mở phiên tòa xét xử lưu động, nhưng bị cáo vắng mặt, lý do là bị cáo không biết chữ nên đã nhờ nhằm ngày xét xử. Ngày 16/01/2018 Tòa án tiếp tục mở phiên tòa, nhưng người bào chữa cho bị cáo vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[1]Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo Giàng A M đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội D Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 23 giờ ngày 20/8/2017, bị cáo đã trộm cắp xe máy của anh Sùng A T với mục đích làm phương tiện đi lại. Sau khi lấy được xe, bị cáo đã

dắt xe đến cửa hàng sửa xe máy của anh T để thay ổ khóa xe nhưng không được, nên bị cáo đã gửi xe tại đây rồi nhờ người đưa về nhà ngủ. Đến sáng ngày hôm sau thì bị cáo đến lấy xe rồi trả tiền thay ổ khóa điện và ổ khóa cốp xe hết 380.000đ, rồi nhờ anh T tháo biển số và cất vào trong cốp xe, sau đó sử dụng chiếc xe đó làm phương tiện đi lại. Đến ngày 23/8/2017 thì bị Cơ quan Công an kiểm tra hành chính và thu giữ vật chứng.

Xét thấy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo Điều 138 BLHS như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất an ninh trật tự, tạo dư luận xấu và tâm lý hoang mang lo sợ trong việc quản lý tài sản của người dân. Do vậy cần phải đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật, nhằm cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết định khung hình phạt: không có.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, có nhân thân tốt và nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ nên phần nào bị hạn chế về nhận thức pháp luật; sinh ra và lớn lên không được sự chăm sóc, nuôi dạy của người bố, sống hoàn toàn phụ thuộc vào người bác ruột, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Từ những phân tích trên xét thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[2] Về các vấn đề khác trong vụ án:

Liên quan đến vụ án còn có anh Mã Anh T, Chang A P, Chang A D, Sùng A T quá trình điều tra xác định những người này không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Giàng A M nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Xét thấy là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 ổ khóa điện, 01 ổ khóa cốp xe, hiện không còn giá trị sử dụng. Còn 01 lưỡi cửa sắt, đây là tài sản của anh Mã Anh T, nhưng anh T không có nhu cầu sử dụng nữa, tự nguyện nộp để xử lý theo quy định của pháp luật. Xét thấy số vật chứng trên không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Còn chiếc điện thoại di động Zip mobile là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, tuy nhiên bị cáo còn phải thi hành khoản tiền án phí, nên cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án. Đối với số tiền 380.000 đồng của bị cáo đã trả cho anh T khi thay 02 ổ khóa, bị cáo và những người liên quan không có ý kiến và yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm Dân sự:

Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người bị hại.

Về đề nghị của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật tuyên phạt bị cáo tù 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Tuy nhiên bị cáo M có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thiệt hại xảy ra không lớn; bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi vì vậy cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quan điểm của người bào chữa: Người bào chữa cho bị cáo M đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo 05 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định, nên đề nghị của người bào chữa cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ, tuy nhiên mức đề nghị 05 tháng tù cho hưởng án treo là quá thấp, chưa đảm bảo tính giáo dục, răn đe. Vì vậy không chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với bị hại: Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa cho bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án đúng quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Giàng A M (tên gọi khác: không) phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt:

Áp dụng Khoản 1 Điều 138 ; Điểm g,h, p Khoản 1 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60; Điều 69; khoản 1 Điều 74 BLHS năm 1999. Phạt bị cáo Giàng A M 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

2. Về vật chứng:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Tịch thu và tiêu hủy 01(một) ổ khóa khởi động, 01(một) ổ khóa cốp xe; 01 (một) lưới cửa sắt có chiều dài 31 cm, chiều rộng 1,5cm;

Tạm giữ 01 (một) điện thoại di động Zip mobile số loại Zip 18 màu đen trắng có số imel: 840170190196753, bên trong có lắp hai sim Vinaphone, để đảm bảo việc thi hành án.

Hiện vật chứng đang lưu giữ tại kho của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Giàng A M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp.
- THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;NBC
- Người đại diện.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quyết Thắng

